TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 66/2022/HNGĐ- ST
Ngày: 04 - 10 - 2022.
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Huê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Xuân.
2. Hoàng Hải Yến.

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hằng -Thư ký Toà án nhân dân THÀNH PHỐ H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân THÀNH PHỐ H, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phương Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân THÀNH PHỐ H (60 H, phường N, THÀNH PHỐ H) xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 540/2022/TLST-HNGĐ Ngày 28 tháng 7 năm 2022 về việc "Ly hôn, Tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2022/QĐXX- ST ngày 09 tháng 9 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 190/QĐST- HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2022 và Thông báo về việc chuyển ngày mở phiên tòa xét xử vụ án dân sự; giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Đoàn Thị Thu P, sinh năm 1993.

Địa chỉ :Tổ dân phố N, phường T, THÀNH PHỐ H, tỉnh Thừa Thiên Huế(Có mặt).

- ***Bị đơn:*** Anh Trần Đăng Đ; sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Kiệt A, số nhà 20 ngõ 30 đường T, phường C, THÀNH PHỐ H (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2022 của chị Đoàn Thị Thu P và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Thu P và anh Trần Đăng Đ tìm hiểu nhau trên sơ sở hoàn toàn tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân

dân phường C, THÀNH PHỐ H vào ngày 12/12/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sống ở nhà bố mẹ của anh Đ tại Kiệt A, số nhà 20 ngõ 30 đường T, phường C, THÀNH PHỐ H. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được 6 năm và đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, luôn xảy ra cải vã nhau, nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Do mâu thuẫn đã quá trầm trọng không thể khắc phục được nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ để ổn định cuộc sống riêng.

- Về con chung: Chị Đoàn Thị Thu P công nhận vợ chồng chung sống sinh được 03 con chung tên là Trần Phương U, sinh ngày 28/12/2010;Trần Phương A, sinh ngày 16/4/2014; Trần Phương L, sinh ngày 16/4/2014. Hiện tại các con đang ở ổn định với anh Đ.

Nay ly hôn chị P có nguyện vọng giao cả 03 con chung cho anh Trần Đăng Đ được trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị P tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 4.500.000 đồng/3cháu (cụ thể : 1cháu 1.500.000 đồng/1 tháng x 3 cháu = 4.500.000 đồng/ tháng). Thời gian cấp đưỡng kể từ tháng 10/2022 cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đoàn Thị Thu P công nhận vợ chồng chị không có tài sản chung và không có nợ chung, nên chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Trần Đăng Đ: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Đ nhưng anh Đ cố tình vắng mặt. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập lần thứ hai cho anh Đ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh Đ vẫn cố tình vắng mặt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân THÀNH PHỐ H phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm xét xử, Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập lần thứ hai nhưng anh Đ vẫn cố tình vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P; xử cho chị Đoàn Thị Thu P được ly hôn anh Trần Đăng Đ.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử xử giao 03 con chung tên là Trần Phương U, sinh ngày 28/12/2010;Trần Phương A, sinh ngày 16/4/2014; Trần Phương L, sinh ngày 16/4/2014 cho anh Trần Đăng Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi). chị P cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 4.500.000 đồng/3 cháu. Thời gian cấp đưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về án phí : Chị Đoàn Thị Thu P phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho anh Trần Đăng Đ lần thứ hai đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh Đ vẫn cố tình vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Thu P và anh Trần Đăng Đ kết hôn tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường C, THÀNH PHỐ H vào ngày 12/12/2012 nên hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, mỗi người có một cách sống riêng, không ai quan tâm đến ai, nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh Đ đến trình bày ý kiến và hòa giải, nhưng anh không đến, chứng tỏ anh Đ không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn vợ chồng.

Về phía gia đình của anh Trần Đăng Đ cũng cho rằng vợ chồng chị P và anh Đ chung sống hạnh phúc được 6 năm. Sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cải vả và có đánh đập nhau, từ năm 2018 chị P bỏ về nhà mẹ đẻ của chị để ở để 03 con chung lại cho anh Đ nuôi dưỡng, từ đó vợ chồng ít quan tâm chăm sóc nhau, nay chị P xin ly hôn anh Đ, gia đình không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về phía chính quyền địa phương cũng xác nhận vợ chồng chị P và anh Đ chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nên chị P đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị sống khoảng 4 năm nay. Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Đoàn Thị Thu P và anh Trần Đăng Đ đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai người đã sống ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của chị Đoàn Thị Thu P tại phiên tòa là có căn cứ, theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

- Về nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị P có nguyện vọng giao 03 con chung tên là Trần Phương U, sinh ngày 28/12/2010;Trần Phương A, sinh ngày 16/4/2014 và Trần Phương L, sinh ngày 16/4/2014 cho anh Trần Đăng Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến

trưởng thành(đủ 18 tuổi). Chị P tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 4.500.000 đồng/3cháu (cụ thể : 1cháu 1.500.000 đồng/1 tháng x 3 cháu = 4.500.000 đồng/ tháng).Thời gian cấp dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay chị P đi làm ăn tại thành phố N, phải ở nhà trọ và công việc chưa ổn định. Các con của chị P và anh Đ đã ở và học tập ổn định với anh Đ. Phía gia đình anh Đ là bà Nguyễn Thị Thùy V (là mẹ ruột của anh Đ) cũng hỗ trợ anh Đ nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy giao 03 con chung tên là Trần Phương U, sinh ngày 28/12/2010; Trần Phương A, sinh ngày 16/4/2014 và Trần Phương L, sinh ngày 16/4/2014 cho anh Trần Đăng Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ. Chị P tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 4.500.000 đồng/ 3cháu (cụ thể: 1cháu 1.500.000 đồng/1 tháng x 3 cháu = 4.500.000 đồng/ tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2022 cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi), việc cấp dưỡng tiền nuôi con của chị P là tự nguyện nên cần chấp nhận .

-Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đoàn Thị Thu P công nhận vợ chồng chung sống không có tài sản chung và không có nợ chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

- Án phí ly hôn: Chị Đoàn Thị Thu P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Đoàn Thị Thu P phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà chị Đoàn Thị Thu P phải chịu là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), căn cứ biên lai số 0004351 ngày 28/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự THÀNH PHỐ H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nên chị Đoàn Thị Thu P phải nộp thêm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 144 ; Điều 147, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự ; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình ; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Thu P.

Xử: Chị Đoàn Thị Thu P được ly hôn với anh Trần Đăng Đ.

2.Về việc nuôi con: Giao 03 con chung tên là Trần Phương U, sinh ngày 28/12/2010;Trần Phương A, sinh ngày 16/4/2014 và Trần Phương L, sinh ngày 16/4/2014 cho anh Trần Đăng Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị P tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 4.500.000 đồng/3 cháu (cụ thể: 1cháu 1.500.000 đồng/1 tháng x 3 cháu =

4.500.000 đồng/ tháng).Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2022 cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Đoàn Thị Thu P chậm thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3.Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đoàn Thị Thu P công nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4.Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đoàn Thị Thu P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền chị P đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu số 0004351 ngày 28/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự THÀNH PHỐ H. Nay, chị Đoàn Thị Thu P phải nộp thêm 300.000 đồng.

5.Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đối với bị đơn là anh Trần Đăng Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niên yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TP H;
-UBND phường C, H;
- Đương sự ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Huê